

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện 9 tháng năm 2026	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	170.950	140.506	82%	200%
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	42.242	34.818	82%	118%
1	Thu NSDP hưởng 100%	2.080	32	2%	983%
2	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	40.162	34.787	87%	118%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	118.274	95.253	81%	234%
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	88.225	66.188	75%	295%
2	Thu bổ sung có mục tiêu	30.049	29.065	97%	159%
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư	2.238	2.238		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	8.197	8.197		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	172.802	87.390	51%	250%
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	172.802	87.390	51%	250%
1	Chi đầu tư phát triển	29.450	1.490	5%	52%
2	Chi thường xuyên	128.727	85.175	66%	266%
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
5	Dự phòng ngân sách	2.339	725	31%	
6	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh	4.089	0	0%	
7	Chuyển nguồn 2025 sang 2026	8.197	0	0%	
8	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã)

Đơn vị: T

TT	NỘI DUNG	Dự toán	Thực hiện 9 tháng năm 2026	Tỷ lệ thụ
				Dự toán
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	62.300	128.072	206%
I	Thu nội địa	62.300	128.072	206%
1	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	14.500	23.529,982	162%
2	Thuế thu nhập cá nhân	2.000	3.913,052	196%
3	Lệ phí trước bạ	4.000	6.181,887	155%
6	Phí - lệ phí	1.000	4.116,159	412%
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	80	31,545	39%
8	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	970	226,203	23%
9	Thu tiền sử dụng đất	37.700	87.366,755	232%
10	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước, khu vực biển	2.000	2.324,729	116%
11	Thu khác ngân sách	50	380,561	761%
12	Thu từ khu vực doanh nghiệp do Nhà nước giữ vai trò chủ đạo		0,734	
B	THU NGÂN SÁCH XÃ HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	42.242	34.818	82%

THỰC HIỆN DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2026 của UBND xã)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán	Thực hiện 9 tháng năm 2026	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	172.802	87.390	51%	183%
A	Chi cân đối ngân sách xã	160.516	87.390	54%	183%
I	Chi đầu tư phát triển	29.450	1.490	5%	52%
1	Chi đầu tư cho các dự án	29.450	1.490	5%	52%
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	128.727	85.175	66%	312%
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	57.633	39.683	69%	
2	Chi y tế, dân số và gia đình	6.736	3.909	58%	6628%
3	Chi văn hóa thông tin, thể dục thể thao	535	205	38%	197%
4	Chi Sự nghiệp tài nguyên môi trường	1.000	448	45%	
5	Chi các hoạt động kinh tế	9.873	1.041	11%	120%
6	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.458	17.834	76%	226%
7	Chi bảo đảm xã hội	26.672	19.886	75%	393%
8	Chi sự nghiệp An ninh	370	300	81%	63%
9	Chi sự nghiệp Quốc phòng	1.559	1.458	94%	188%
10	Chi Sự nghiệp Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi	150	0	0%	
11	Chi khác	741	411		
III	Dự phòng ngân sách	2.339	725	31%	4%
B	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh	4.089	0	0%	0%
1	Chi chương trình MTQG				
2	Chi các dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Chi các nhiệm vụ, chính sách khác	4.089		0%	
C	Chuyển nguồn 2025 sang 2026	8.197		0%	